

SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG QUAN NIỆM ĐẠO ĐỨC CỦA PHAN BỘI CHÂU ĐẦU THẾ KỶ XX

TRẦN THỊ HẠNH*

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự thay đổi trong quan niệm về đạo đức của Phan Bội Châu. Giống như các sĩ phu yêu nước đương thời, ông thấm sâu đạo đức Nho giáo. Như ông tiếp thu một số tư tưởng tiến bộ của thời đại và phát triển hệ thống quan niệm đạo đức lên một trình độ cao hơn, có nội dung tiến bộ hơn. Phan Bội Châu xứng đáng là một nhà đạo đức học tiêu biểu cho lịch sử tư tưởng triết học của dân tộc Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Phan Bội Châu, đạo đức, quan niệm đạo đức, lý tưởng đạo đức.

1. Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hải Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Diệu, Hàn Mãn Tử, v.v.. Theo gia phả họ Phan, ông sinh ngày 26 tháng 12 năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, cha ông là Phan Văn Phổ, mẹ ông là Nguyễn Thị Nhàn.

Ông nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết *Tam Tự Kinh*, 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách *Luận Ngữ*, 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện. Thuở thiếu thời ông đã sớm có lòng yêu nước. Năm 17 tuổi ông viết bài "Hịch Bình Tây Thu Bắc" đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1896, ông vào Huế dạy học, do mến tài ông nên các quan xin vua Thành Thái xóa án

"chung thân bất đắc ứng thí". Khi được xóa án, ông dự khoa thi Hương năm Canh Tý (1900) ở trường Nghệ và đậu Giải nguyên. Trong vòng 5 năm sau khi đỗ Giải nguyên, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 đồng chí họp mặt tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng

(*) Tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bạt Hồ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của dân Việt. Nghe lời khuyên, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước. Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản tại trận Tsushima trong Chiến tranh Nga-Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan trong các phong trào chống thực dân ở Châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.

Năm 1906, Phan Bội Châu đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và một số học sinh người Việt khác sang Nhật; ông mời được Phan Chu Trinh, một nhà cách mạng nổi tiếng khác, đến thăm ông tại Tokyo. Sau hai tuần thảo luận, hai người không giải quyết được bất đồng chính kiến về cách chống Pháp. Trong khi Phan Bội Châu muốn giữ thể chế quân chủ, Phan Chu Trinh muốn hủy bỏ chế độ này để tạo một quốc gia dân chủ.

Năm 1907, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Cống Hiến Hội, một phong trào gồm có 100 học sinh du học ở Nhật. Việc này có ý nghĩa tượng trưng vì những học sinh có được cơ hội để cộng tác với nhau với tư cách là những người Việt, không phải người Bắc Kỳ, Nam

Kỳ hay Trung Kỳ mà người Pháp đã chia ra. Tuy nhiên, dưới áp lực của Pháp, Nhật Bản đã trục xuất thanh niên đông du vào năm 1908.

Sau Chiến tranh Nga - Nhật, nước Nhật dù thắng trận nhưng nền kinh tế cũng phải chịu nhiều gánh nặng. Nhật cần rất nhiều vốn để tái thiết, đầu tư vào kinh tế. Chính phủ Pháp đồng ý cho Nhật vay 300 triệu franc, nhưng đổi lại, về mặt chính trị Nhật phải hợp tác với Pháp chống lại phong trào Đông Du. Vì lý do đó, tháng 3 năm 1909, Phan Bội Châu bị Nhật trục xuất. Sau đó, ông đến Hồng Kông, Bangkok và Quảng Châu. Trong những năm này, các tác phẩm cách mạng của ông ảnh hưởng đến phong trào chống Pháp ngay tại Việt Nam.

Năm 1912, thành quả của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc của Tôn Dật Tiên đã tác động mạnh đến suy nghĩ và hành động của Phan Bội Châu, ông cùng một số nhà cách mạng quốc gia Việt Nam lưu vong tại Quảng Châu thành lập một tổ chức cách mạng thay thế cho Hội Duy Tân. Mục đích của Tổ chức mới với tên Việt Nam Quang phục Hội là đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước, khôi phục chủ quyền của Việt Nam, thành lập "Việt Nam Cộng hòa Dân quốc". Phan Bội Châu đã thay đổi chính kiến của ông về thể chế quân chủ. Tuy nhiên, ông vẫn duy trì Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong vai trò chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam Quang phục Hội. Nhân cơ hội Viên Thế Khải

lên cầm quyền tại Trung Quốc, chính quyền Pháp đã nhờ ông này bắt giam Phan Bội Châu cùng các đồng chí.

Năm 1917, Phan Bội Châu được phóng thích. Ông lưu lạc tại Trung Quốc suốt tám năm sau đó, Ông học tập và viết báo sinh nhai ở Hàng Châu, làm biên tập viên của tờ Bình sự tạp chí, nhưng không còn trực tiếp ảnh hưởng đến các cao trào cách mạng tại Việt Nam. Trong thời gian từ 1921 đến 1924, sự kiện Cách mạng tháng Mười Nga, liên minh Quốc - Cộng tại Trung Quốc... đã có ảnh hưởng lớn đến Phan Bội Châu. Giữa năm 1924, phỏng theo Trung Quốc dân đảng của Tôn Trung Sơn, ông đã cải tổ Việt Nam Quang phục hội thành Việt Nam Quốc dân đảng. Tháng 12 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã có cuộc tiếp xúc với Phan Bội Châu, cùng trao đổi về xu hướng Quốc - Cộng hợp tác cho cách mạng Việt Nam, vốn đang thịnh hành tại Trung Quốc bấy giờ.

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất vào năm 1940. Phan Bội Châu mất ngày 29 tháng 12 năm 1940 tại Huế.

Sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu gắn liền với quá trình hình thành, vận động và phát triển của thế giới quan của ông. Trong phạm vi bài viết này, tôi đề cập đến chuyển biến quan niệm đạo

đức của ông. Quan niệm đạo đức của Phan Bội Châu có quá trình hình thành tương ứng với các giai đoạn hoạt động cách mạng.

Trước hết, Phan Bội Châu tiếp nhận tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc, đó là tư tưởng đạo đức Nho giáo. Đạo đức truyền thống của dân tộc có đặc điểm nổi bật là có lòng nhân ái, ý thức cộng đồng, yêu nước, cần cù, giản dị... để nên người, gây dựng gia đình, dựng làng, giữ nước.

Phan Bội Châu là người con xứ Nghệ, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Nho học, một gia đình “thanh nho”. Ông sớm được hấp thụ một sự giáo dục toàn diện theo mô hình giáo dục Nho giáo đương thời. Phan Bội Châu thực sự là một tấm gương sáng về trau dồi, tu dưỡng đạo đức. Lương tri trong ông, kinh nghiệm sống theo lẽ phải, đúng mực đã giúp ông ứng biến linh hoạt với nhiều hoàn cảnh phức tạp khác nhau. Ông trọng tình, trọng nghĩa, thương yêu đồng bào, đồng loại; thương xót thực sự với dân tộc bị đọa đày, nô lệ, từ đó đau đáu tìm đường cứu dân cứu nước.

Lý tưởng đạo đức của Phan Bội Châu là tự do: tự do cho đất nước, cho dân tộc, cho đồng bào; tự do gắn với quyền con người, tự do gắn liền với lý tưởng độc lập dân tộc.

Lý tưởng đạo đức của Phan Bội Châu về bản chất là lý tưởng đạo đức của Nho giáo tiến bộ. Ông đã nhận thấy điểm tích cực của Nho giáo là đặt con

người vào cuộc sống hiện thực; con người phải luôn ý thức được giá trị, ý nghĩa, trách nhiệm của mình với bản thân, gia tộc, cộng đồng xã hội. Đạo đức Nho giáo là đạo đức của xã hội thái bình. Phan Bội Châu và các sĩ phu yêu nước đương thời thấm sâu đạo đức Nho giáo và các ông coi việc thực hiện lý tưởng đạo đức Nho giáo như một trách nhiệm vẻ vang.

2. Tiếp thu một số tư tưởng tiến bộ thông qua Tân thư, Tân văn và con đường Đông du, tư tưởng đạo đức của Phan Bội Châu có sự chuyển biến rõ nét. Ông đã triển khai các phạm trù đạo đức Nho giáo theo nội hàm mới.

- Về phạm trù “Chính danh”: Phan Bội Châu chủ trương xây dựng một trật tự xã hội theo thuyết chính danh. Chính danh bây giờ là chính danh của người dân mất nước, giành lại độc lập, tự do của đất nước, làm chủ đất nước mình. Chính danh với nội hàm mới như vậy sẽ trở thành tiêu chuẩn để phân biệt xấu - tốt, thiện - ác, yêu - ghét. Trong hoạt động thực tiễn, Phan Bội Châu đã tìm mọi phương thức cải cách, duy tân, cách mạng chỉ nhằm mục đích đó.

- Về phạm trù “Nhân”: Phan Bội Châu giải thích phạm trù nhân thấu đáo. Cũng như bao nhà Nho, ông cho phạm trù nhân có sức mạnh vô song trong mọi lĩnh vực: “*Vô luận người nào, chốn nào, thì nào, tất thấy dùng một chữ “nhân” mà ứng phó được cả*”⁽¹⁾. Theo ông, về đại thể, nhân là sự bình đẳng giữa mọi

người, là yêu người như yêu mình. “*Ngoài chữ ‘nhân’ ra không ai có đạo lý gì khác. Tức như đại từ, đại bi, chúng sinh bình đẳng của Phật Thích ca, nghĩa yêu người như mình, xem thù như bạn của đức chúa Giê Du cũng chỉ là ý nghĩa chữ Nhân mà thôi*”⁽²⁾.

Nhân còn là sự thương cảm giữa con người và con người. Điểm đáng chú ý là Phan Bội Châu cho rằng thương cảm phải lấy gốc ở công lý chứ không thể dựa vào tư tâm. Yêu cầu cao nhất của Nhân phải là sự hiểu biết, là “sĩ”, là tự trọng. Trong thời đại của ông, Phan Bội Châu phân tích điều nhân trên tinh thần chủ nghĩa yêu nước, yêu nước là làm cho nước phú cường, thương dân là làm cho dân hậu sinh, tức là làm kinh tế. “*Nhân nghĩa là chí công vô tư, mà lại kiêm cả bác ái*.”⁽³⁾. Bác ái sẽ dẫn tới giải phóng con người. Như vậy, phạm trù nhân là sự kết tinh của sự tiếp biến tư tưởng Phan Bội Châu.

- Về phạm trù “Hiếu”: Phan Bội Châu bổ sung, đổi mới phạm trù hiếu. Hiếu với cha mẹ, mở rộng ra hiếu với tổ tiên, với dân tộc. Thực hiện đạo hiếu đồng nghĩa với tham gia giải phóng dân tộc, quyết chí bảo vệ nước, giành độc lập dân tộc.

- Về phạm trù “Nghĩa”: Phan Bội Châu đề cao nghĩa. Nghĩa là những gì

⁽¹⁾ Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 41.

⁽²⁾ *Sđđ*, tr. 41.

⁽³⁾ *Sđđ*, tập 7, tr. 75.

hợp với đạo lý con người phải làm. Đạo lý thời nay theo ông là phấn đấu cho lý tưởng tự do - độc lập. Phan Bội Châu đã vượt lên phạm vi nội dung của phạm trù nghĩa trong Nho giáo truyền thống. Ông không đối lập nghĩa với lợi mà thống nhất nghĩa và lợi trong một thể. Thực hiện nghĩa, giải phóng dân tộc, đất nước có chủ quyền thì dân mới có quyền lợi. Lợi chung của dân tộc và lợi của cá nhân về cơ bản không khác biệt.

- Về phạm trù “Trí” (như một chuẩn mực đạo đức): Trí là sự hiểu biết đồng thời là chuẩn mực để phân biệt, đánh giá con người. Người có trí sẽ có khả năng đánh giá được con người và tình huống để ứng xử cho hợp lẽ phải. Muốn có trí thì phải tu dưỡng, phải học. Ông cho rằng học để trở thành người có nhân cách và những kiến thức đương thời để rồi, cứu nước, cứu dân.

- Về phạm trù “Dũng”: Dũng được ông hiểu là dũng khí, là sự kiên cường bất khuất, ý chí tự lực, tự cường.

- Về phạm trù “Lẽ sống”: Quan niệm đạo đức của Phan Bội Châu đạt tới hoàn thiện khi ông xác định lẽ sống. Quan niệm về lẽ sống thể hiện rõ nét quá trình chuyển biến trong tư tưởng đạo đức của ông, là kết quả của quá trình ông tiếp biến tư tưởng Đông – Tây. Phan Bội Châu cho rằng, để có một lẽ sống đúng, trước tiên con người Việt Nam phải ý thức được bản thân và hoàn cảnh đang sống; từ đó phải xác định được các nguyên tắc sống. Ông đưa ra ba nguyên

tắc sống cơ bản:

Thứ nhất, sống thức tỉnh. Phan Bội Châu thực hiện nhiệm vụ thức tỉnh đồng bào, chỉ ra nỗi nhục mất nước. Ông yêu cầu con người tỉnh táo để thấy được các nguyên nhân và thực trạng mất nước; có hiểu biết về các lĩnh vực của cuộc sống hiện đại; nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân mỗi người đối với vận mệnh Tổ quốc. Để thực hiện được nguyên tắc thức tỉnh, Phan Bội Châu chú trọng biện pháp giáo dục, tuyên truyền, học tập, nêu gương.

Thứ hai, sống có ý chí. Ông kêu gọi mọi người phải dũng cảm, dám đứng lên đảm nhận sự nghiệp giết giặc cứu nước. Ông viết:

“ 1. Xin mọi người trong nước ta đều có ý chí tiến thủ mạo hiểm

2. Xin mọi người trong nước ta đều có tinh thần thương mến tin yêu nhau

3. Xin mọi người trong nước ta đều có tư tưởng tiến bước lên nền văn minh

4. Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành yêu nước

5. Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành công đức

6. Xin mọi người trong nước ta đều có hy vọng về danh dự lợi ích”⁽⁴⁾.

Muốn sống có ý chí theo Phan Bội Châu cần phải “tự tin”: tự tin vào bản thân, tự tin vào tương lai dân tộc, tin vào chủ nghĩa đã được chọn. Tự tin mở rộng ra là “tự tín”, “tự nhiệm” theo tinh thần

⁽⁴⁾ *Sđd*, tập 2, tr. 269.

“hào kiệt tự nhiệm”- tự trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, dân tộc.

Thứ ba, sống phải tự tâm. Tự tâm là tự đổi mới. Con người có thức tỉnh, có tự tin, tự nhiệm thì tất sẽ tự tâm. Phan Bội Châu chủ trương như vậy. Tự tâm trước hết là tự tâm về tri thức, học hỏi tri thức khoa học thời đại, phê phán, sửa đổi những tri thức cũ đã lạc hậu để dẫn đưa dân tộc đến tự cường, văn minh. Ông viết: “*Đổi mới ý chí thái độ, nâng cao chí tiến thủ, là cho lòng cả nước đều anh hùng thì người Pháp một ngày cũng không thể ở yên được. Đó là tiên phong duy tân thứ nhất*”⁽⁵⁾; “*Đổi mới cách sống, đổi mới quan hệ, tăng cường tình thân thương mến tin yêu nhau, kết đoàn thể, liên tính tình, hợp trí mưu, góp của cải, đồng tâm hợp lực. Điều đó nhằm đạt tới: người nước ta mà tin yêu nhau, như thế, thì trong con mắt ta còn thấy ông Tây nữa không. Đó là tiên phong duy tân thứ hai*”⁽⁶⁾; “*Đổi mới hành động, nghề nghiệp, theo gương Nhật bản: “nước Nhật bây giờ cũng như nước Việt Nam ngày sau vậy. Đó là tiên phong duy tân thứ ba*”⁽⁷⁾; “*Đổi mới tinh thần trách nhiệm đối với dân, nước, theo gương Kinh Kha, Tử Phòng, Lỗ Túc, làm cho núi sông xoay chuyển gánh vác được. Đó là tiên phong duy tân thứ bốn*”⁽⁸⁾; “*Đổi mới sự nghiệp công đức để lúc bấy giờ sẽ tụ họp được đông đảo con em người để tranh giành với một nhóm ít người Pháp. Người Pháp còn dám đề*

đầu cười cổ ta nữa hay không? Đó là tiên phong duy tân thứ năm”⁽⁹⁾; “*Đổi mới nhận thức và đổi mới thực hành mối quan hệ giữa lẽ sống và cái chết “chết vinh còn hơn sống nhục”; đổi mới quan hệ giữa tri và hành, danh và lợi. “Tri nan hành dị” (hiểu khó, làm dễ); đổi mới nhận thức về mối quan hệ giữa họa và phúc; phúc cần tìm là phúc chung chung; dân tộc được giải phóng để người nước ta ai ai cũng vọng tưởng cho có danh lợi, thì làm sao mà nước ta lại không giàu mạnh được? Đó là tiên phong duy tân thứ sáu*”⁽¹⁰⁾.

Ông cho rằng, cốt lõi của tự tin, tự tâm là phương pháp tư duy. Phan Bội Châu mạnh dạn đả kích trực tiếp vào lối tư duy cũ của Nho giáo “thuật nhi bất tác”, “hậu cổ hạc kim”, “trọng hư văn, khinh thực nghiệp”. Ông kêu gọi thanh niên phải độc lập suy nghĩ, phát triển phẩm chất tư duy và bản lĩnh; có như vậy thì mới thoát khỏi sự lệ thuộc vào nước ngoài, mới không mất nước, không mất cốt cách dân tộc và nhân cách bản thân. Tóm lại, Phan Bội Châu tích cực tuyên truyền cho một lẽ sống cao cả: dâng hiến cho sự nghiệp cách mạng cứu nước, cứu dân và canh tân đất nước.

Trên nền tảng đạo đức truyền thống, tiếp thu các yếu tố tích cực, tiến bộ của thời đại, Phan Bội Châu đã phát triển hệ

(5), (6), (7), (8) *Sđd*, tr. 270, 272, 273, 274.

(9), (10) *Sđd*, tr. 274, 275.

thống quan niệm đạo đức lên một trình độ cao hơn, có nội dung tiến bộ hơn. Đạo đức mà Phan Bội Châu mơ ước và cố gắng tuyên truyền xây dựng có bản chất nhân đạo cao cả. Phan Bội Châu có niềm tin vào phẩm giá, sức mạnh của con người, từ đó ông tích cực thức tỉnh và hướng dẫn họ đấu tranh vì độc lập, tự do. Tuy nhận thức của ông chưa vượt qua được hoàn toàn thế giới quan Nho giáo, nhưng Phan Bội Châu vẫn xứng đáng là một nhà đạo đức học tiêu biểu nhất cho lịch sử tư tưởng triết học của dân tộc những thập niên đầu thế kỷ XX. Tư tưởng đạo đức của ông là dấu gạch nối đậm nét để chúng ta xây dựng một nền đạo đức mới.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Bội Châu (2000), *Phan Bội Châu về một số vấn đề văn hóa – xã hội – chính trị*, Nxb Thuận Hóa Huế, Chương Thâu (sưu tầm, biên soạn).
2. Trương Văn Chung, Doãn Chính (đồng chủ biên) (2005), *Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (1997), *Phan Bội Châu con người và sự nghiệp*, Nxb Hà Nội.
4. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (1997), *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2004), *Đông Á, Đông Nam Á, những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2006), *Tư tưởng triết học Việt Nam trong bối cảnh du nhập các tư tưởng Đông – Tây nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2008), *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục và công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Võ Nguyên Giáp (1998), “Cụ Phan Bội Châu là một đáng thiên sứ, một lãnh tụ cách mạng, một nhà văn hóa lớn”, Tạp chí *Xưa và Nay* (2), tr. 9-10.
9. Trần Văn Giàu (2000), *Tuyển tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Hoà (1998), *Tư tưởng triết học và chính trị của Phan Bội Châu*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Khánh (2000), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Khánh (2007), *Việt Nam 1919 - 1930: thời kỳ tìm tòi và định hướng*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
13. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2007), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Chương Thâu, Trần Ngọc Vương (tuyển chọn và giới thiệu) (2006), *Phan Bội Châu – về tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

